

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 22/10/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+RP1+RP3	7:25	19+2	0+0		10+1+11	0+0	chuyen 4 tđ5- rp3
2		TD2+BK6+PPD	7:25	0+0+15	0+0+0		3+0+19	0+0+0	chuyen 4 tđ2- bk6
3		RP3+RP2+P2	7:25	20+0	0+0		18+3+1	0+0	
4		PPD+TD5+BK8	9:25	16+2+3	0+0+0		5+9+8	0+0+0	
5		AMD+PPD	9:25	7+15	0+0		4+18	0+0	
6		RP3+P4+AMD	9:25	3+9+2	0+0+0		10+2+10	0+0+0	chuyen 1 pax rp3-p4
7		T.UNG	10:30	18	0		19	0	
8		HSD+AMD	11:30	2+19	0+0		2+20	0+0	
9		RP3+CTK3+TD3	11:30	0+5+15	0+0+0		0+0+21	0+0+0	chuyen 2 px rp3-ctk3

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 1 nguoi bk14 về đi ctk3



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/10/2024	TO: TD5 - RP1 - RP3	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: HUNG - TTRUNG -	ETA: 09:20
xanh-1		DTUNG	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VU MANH THANG	TD5	16	1	3			70	KHOAN	Vietnamese
2	ASKAROV DENIS	TD5	19	1	8	4	50	85	KHOAN	Russian
3	NGUYEN TAN TAI	TD5	07	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
4	MAI TRUONG TRUNG	TD5	98	1	7			70	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN HOA	TD5	02-03	2	12			70	KHOAN	Vietnamese
6	DOAN MINH TIEN	TD5	99	1	10			82	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN MANH	TD5	01	1	5			72	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN DUY PHUNG	TD5	700	1	7			74	DMC-MI	Vietnamese
9	NGUYEN VAN THINH	TD5	09	1	7			67	DMC-MI	Vietnamese
10	VU LONG PHI	TD5	15	1	10			70	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN HUU LOC	TD5	17-18	2	17			75	KHOAN	Vietnamese
12	PHAM DANG KHOI	TD5	13-14	2	17			92	KHOAN	Vietnamese
13	LE TRUNG SON	TD5	97	1	7			75	D-HANH	Vietnamese
14	PHAN NGOC TIEN	TD5	10	1	10			60	DVL	Vietnamese
15	CHU DINH THANH	TD5	20	1	10			54	DVL	Vietnamese
16	MAI HUY TU	TD5	21	1	10			65	DVL	Vietnamese
17	HO VAN ANH	TD5						70	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN THANH TIEN	TD5	96	1	3			60	PSV	Vietnamese
19	TRAN HUU DUNG	TD5	04-06	3	15			88	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAM TUAN VIET	TD5	08	1	10			90	DK9	Vietnamese
21	NGUYEN NAM HOANG	TD5	11	1	5			65	CO DIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD5	21	1.524	25	178	4	50	10	4	CHUYEN 04 PAX TU TD5 SANG RP3
2	RP1	0	0	0	0	0	0	1		
3	RP3	0	0	0	0	3	50	11		
TOTAL		21	1.524	25	178	7	100	22		
WEIGHT KG			1.524		178		100			

GRAND TOAL: 1.802 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/10/2024	TO: TD2 - BK6 - PPD	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: LINH - SON - QTRƯỜNG	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRINH VAN NHA	PPD	06-07	2	12	2	25	70	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG VĂN NINH	PPD						75	KH-THAC	Vietnamese
3	TU NGOC HAI	PPD	04-05	2	11			75	KHI	Vietnamese
4	BUI HUU LAN	PPD	09	1	5			79	KHI	Vietnamese
5	PHẠM VĂN SƠN	PPD	12	1	7			60	KHI	Vietnamese
6	HOANG NGUYEN TAN DAT	PPD	03	1	7			59	KHI	Vietnamese
7	TRẦN ĐỨC DUY	PPD	11	1	10			69	KHI	Vietnamese
8	VÔ TẠ QUANG	PPD	10	1	5			70	KHI	Vietnamese
9	TRINH QUOC THANH	PPD	79-80	2	11			103	KHI	Vietnamese
10	LAM QUANG NAM	PPD	02	1	9			75	KHI	Vietnamese
11	HOANG MINH HIEU	PPD	08	1	5			72	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN NGOC THU	PPD	81	1	5			61	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN ĐỨC NGỌC	PPD	82	1	6			66	KHI	Vietnamese
14	PHUNG VAN CHINH	PPD	13	1	5			70	KHI	Vietnamese
15	TRINH VI QUAN	PPD	75-76	2	16			62	BIEN DONG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD2	0	0	0	0	0	0	3	44	CHUYEN 4 PAX TD2-BK6
2	BK6	0	0	0	0	0	0	0		
3	PPD	15	1.066	18	114	2	25	19		
TOTAL		15	1.066	18	114	2	25	22		
WEIGHT KG			1.066		114		25			

GRAND TOAL: 1.205 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/10/2024	TO: RP3 - RP2 - P2	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: N.ANH - VTHẮNG - TOAN	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN VĂN NAM	RP3	90	1	5	4	70	80	KHI	Vietnamese
2	DUƠNG VĂN VAO	RP3	86	1	5			78	KHI	Vietnamese
3	LÀNH TRUNG ĐÔNG	RP3	87	1	5			68	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN TÂN	RP3						66	KHI	Vietnamese
5	HOÀNG ĐỨC LAM ANH	RP3	89	1	3			80	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN TRUNG KIẾN	RP3	97	1	6			71	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH HÀ	RP3	91	1	5			85	KHI	Vietnamese
8	PHAN ANH KHANG	RP3	84-85	2	15			67	KHI	Vietnamese
9	LÊ TUẤN ANH	RP3	88	1	10			80	CODIEN	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC HÀ	RP3	96	1	10			95	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN HỮU NAM	RP3	92-93	2	6			75	KHI	Vietnamese
12	PHI THANH LONG	RP3	06	1	6			58	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH THIÊN	RP3	50	1	10			78	KHI	Vietnamese
14	LÊ HUYNH PHÚC	RP3	82-83	2	15			61	KHI	Vietnamese
15	PHAN PHI LONG	RP3	94-95	2	17			68	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN VINH	RP3	05	1	7			70	TRUNG TIN	Vietnamese
17	TRẦN VĂN LAM	RP3	01	1	5			77	TRUNG TIN	Vietnamese
18	VÔ HỒNG SƠN ĐẠT	RP3	03-04	2	7			56	TRUNG TIN	Vietnamese
19	VÔ NGỌC HOÀNG	RP3	02	1	7			52	TRUNG TIN	Vietnamese
20	NGUYỄN HIỆU NGHĨA	RP3	98	1	5			56	TRUNG TIN	Vietnamese
21	HOÀNG THANH HOÀ	RP3	49	1	6			60	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI VAN HUNG	RP3						78	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	22	1.559	25	155	4	70	18		
2	RP2	0	0	0	0	2	40	3	1	CHUYEN 01 PAX RP2 - P2
3	P2	0	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	1.559	25	155	6	110	22		
WEIGHT KG			1.559		155		110			

GRAND TOAL: 1.824 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/10/2024		TO: PPD - TD5 - BK8			AIRCRAFT: 428			ETD: 09:50		
FLIGHT: 04		FROM: VT			CREW: HÙNG - TTRUNG -			ETA: 11:40		
XANH-2					DTUNG					
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐỖ VĂN TÚ	PPD	21	1	4			65	KHI	Vietnamese
2	PHẠM HỒNG THAI	PPD	17	1	5			67	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN XUÂN HUYNH	PPD	22	1	5			50	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN TRỌNG ĐẠI NGHĨA	PPD	18	1	5			80	KHI	Vietnamese
5	ĐỖ TRUNG KIẾN	PPD	19-20	2	13			70	YTE	Vietnamese
6	NGUYỄN VIỆT TIẾN	PPD	07-09	3	17			68	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH TRUNG	PPD						69	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN CAO CƯỜNG	PPD						68	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN SƠN	PPD	25	1	3			67	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI VĂN ĐẠO	PPD	14	1	5			85	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN CHUNG	PPD	13,15	2	8			74	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN BẠC	PPD	26	1	11			58	KH-THAC	Vietnamese
13	BIỆN MINH SƠN	PPD	23	1	7			76	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN SINH	PPD	24	1	8			67	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN ĐĂNG QUANG	PPD	11	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN CÔNG DUNG	PPD	10	1	10			63	KH-THAC	Vietnamese
17	BAGRAMOV A.	PPD	27	1	8			100	KH-THAC	Russian
18	TRẦN THANH TRI	PPD	12	1	3			69	KH-THAC	Vietnamese
19	DOAN DUY HUNG	PPD	16	1	6			87	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN KHÁNH HÙNG	BK8	66-67	2	18			70	CODIEN	Vietnamese
21	ĐỖ XUÂN THẮNG	BK8	68	1	12	2	35	86	CODIEN	Vietnamese
22	PHI THANH HỒNG	BK8	69	1	11			69	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	PPD	19	1.348	21	123	0	0	5		
2	TD5	0	0	0	0	3	55	9		
3	BK8	3	225	4	41	2	35	8		
TOTAL		22	1.573	25	164	5	90	22		
WEIGHT KG			1.573		164		90			

GRAND TOAL: 1.827 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Lu VSP

FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/10/2024	TO: AMD - PPD	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:59
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: N.ANH - VTHẮNG - TOAN	ETA: 11:50
VANG-2			

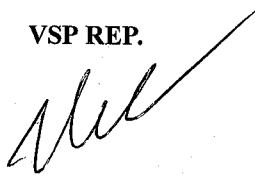
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LA NGOC HOAN	AMD	83	1	9	2	40	72	HLJOC	Vietnamese
2	TRINH THUONG MAI	AMD	98-99	2	10			62	TLJOC	Vietnamese
3	THAN CANH THINH	AMD	84-86	3	20			75	TLJOC	Vietnamese
4	ĐOÀN VĂN DUNG	AMD	87-88	2	5			72	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM TUAN CHUNG	AMD	89	1	12			60	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG TRUNG KIEN	AMD	96-97	2	9			67	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG VĂN BAN	PPD						84	KHI	Vietnamese
8	HUYNH NAM LONG	PPD	69	1	8			75	KHI	Vietnamese
9	HOANG HUY TIEN	PPD	64	1	5			59	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN DINH CUONG	PPD	63	1	5			71	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN TUNG DUONG	PPD	65	1	9			59	ANTOAN	Vietnamese
12	LE DINH TAM	PPD	66-68	3	20			80	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN MINH TAM	PPD	59-60	2	15	1	20	65	XAYLAP	Vietnamese
14	HA XUAN THANH	PPD	39-41	3	20			75	XAYLAP	Vietnamese
15	LE VAN DUNG	PPD	62	1	14			74	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN VIET PHONG LUU	PPD	61	1	12			90	XAYLAP	Vietnamese
17	PHẠM VĂN GIANG	PPD	58	1	4			65	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN QUỐC VIỆT	PPD	73	1	10			60	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN VAN MAO	PPD	70	1	12			55	BIENDONG	Vietnamese
20	PHAN VAN THANH	PPD	74	1	14			60	BIENDONG	Vietnamese
21	NGUYEN DUC NINH	PPD	71-72	2	16			70	BIENDONG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	AMD	6	408	11	65	2	40	4		
2	PPD	15	1.042	20	164	1	20	18		
TOTAL		21	1.450	31	229	3	60	22		
WEIGHT KG			1.450		229		60			

GRAND TOAL: 1.739 KGS

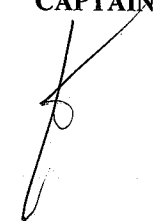
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



1.739 vsp



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/10/2024	TO: RP3 - P4 - AMD	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: LINH - SƠN - QTRƯỜNG	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ THANH QUANG	RP3	14	1	12			59	TRUNG TIN	Vietnamese
2	HOANG VAN THANH	RP3	11	1	10	5	90	66	TRUNG TIN	Vietnamese
3	LÊ TÂN BAO	RP3	12	1	13			64	TRUNG TIN	Vietnamese
4	TRAN THANH HOAI	RP3	13	1	13			105	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN DUY KHUONG	P4	92	1	3			90	KHI	Vietnamese
6	TRAN SON NAM	P4	89	1	4			82	KHI	Vietnamese
7	LUONG TUAN CHUNG	P4				2	35	75	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN MINH CANG	P4	91	1	5			73	KHI	Vietnamese
9	TRAN SON TIEN	P4	90	1	6			64	KHI	Vietnamese
10	TÀ VÂN QUYNH	P4	88	1	6			75	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN VIET THANG	P4	93	1	6			75	KHI	Vietnamese
12	ĐẶNG HUY KHANH	P4	87	1	5			76	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN VAN MAU	P4	85-86	2	10			70	NHATHAU	Vietnamese
14	TRUONG THE KHAI	AMD	01	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ TRI TRUNG	AMD	200	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	4	294	4	48	5	90	10	1	CHUYEN 1 PAX RP3-P4
2	P4	9	680	9	45	2	35	2		
3	AMD	2	146	2	10	0	0	10		
TOTAL		15	1.120	15	103	7	125	22		
WEIGHT KG			1.120		103		125			

GRAND TOAL: 1.348 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/10/2024	TO: T.UNG	AIRCRAFT: 614	ETD: 10:35
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: HOÀI - MẠNH	ETA: 13:35
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	QUÁCH VĂN THAO	T.UNG	94	1	2			74	YTE	Vietnamese
2	NGUYỄN BA HÙNG	T.UNG	96	1	6			73	QUATEST3	Vietnamese
3	LÊ VĂN TRỰC	T.UNG	97	1	6	4	58	60	QUATEST3	Vietnamese
4	HUYNH HIEU NGHIA	T.UNG	87	1	10			81	PVEP ITC	Vietnamese
5	NGUYỄN DUY TUÂN	T.UNG	93	1	10			79	PVEP ITC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐÌNH QUỐC BAO	T.UNG	81	1	4			57	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM QUANG QUY	T.UNG	92	1	3			58	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG ANH MINH	T.UNG	88	1	5			81	KH-THAC	Vietnamese
9	LUONG VĂN LUƠNG	T.UNG	24	1	6			89	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN XUÂN THUY	T.UNG	86	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH BÁC	T.UNG	95	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ DUY ĐỨC	T.UNG	79	1	4			60	KH-THAC	Vietnamese
13	KHÔNG THAI BÌNH	T.UNG	82	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN HAI	T.UNG	83	1	2			78	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN TIẾN THIÊN	T.UNG	84-85	2	20			76	XAYLAP	Vietnamese
16	HỒ THẾ ANH	T.UNG	91	1	11			62	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN ĐOÀN ĐOÀN	T.UNG	89-90	2	16			60	XAYLAP	Vietnamese
18	PHẠM TRẦN THANH PHÚC	T.UNG	80	1	3			85	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	T.UNG	18	1.278	20	122	4	58	19		
TOTAL		18	1.278	20	122	4	58	19		
WEIGHT KG			1.278		122		58			

GRAND TOAL: 1.458 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

lwa VSP



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/10/2024	TO: HSD - AMD	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:10
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: HUNG - ĐNAM - THÀNH	ETA: 14:00
DO-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐỖ THẾ THANH	HSD	38	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
2	CHU ĐỨC CHI	HSD	36-37	2	16			72	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐỖ HOANG TRUNG ĐỨC	AMD	13-15	3	15			68	OSB	Vietnamese
4	CAO THAI THANH	AMD	16-17	2	8			65	OSB	Vietnamese
5	LÊ VĂN TRƯỞNG	AMD	03	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ THANH TÂN	AMD	98	1	7			62	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN HOANG LONG	AMD	08-09	2	13			69	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN MẠNH HÀ	AMD	05	1	7			55	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN TRUNG	AMD	02	1	7			77	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN ĐỨC CUÔNG	AMD	07	1	8			65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ANH KHOA	AMD	06	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN MINH HOAI	AMD	92	1	9			71	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN HUNG	AMD	04	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI SY QUYEN	AMD	10	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
15	DANG TIEN TOAN	AMD	95	1	10	1	15	70	CODIEN	Vietnamese
16	VU TRAN TRUNG	AMD	97	1	14			73	CODIEN	Vietnamese
17	PHẠM VĂN HUNG	AMD	18-19	2	14			69	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH TIẾN	AMD	12	1	4			57	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU BÌNH	AMD	99	1	7			61	PSV	Vietnamese
20	PHẠM TUÂN THANH	AMD	11	1	6			78	PSV	Vietnamese
21	BUI VĂN QUỐC	AMD	93-94	2	11			60	PSV	Vietnamese
22	LE QUỐC HUY	AMD	20-21	2	14			84	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	HSD	2	146	3	21	0	0	2		
2	AMD	20	1.348	27	174	1	15	20		
TOTAL		22	1.494	30	195	1	15	22		
WEIGHT KG			1.494		195		15			

GRAND TOAL: 1.704 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/10/2024	TO: RP3 - CTK3 - TD3	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:15
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: LINH - M.ĐỨC - TÚ	ETA: 14:05
NAU-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	BUI MINH HAI	CTK3	06	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ VĂN TÂN	CTK3	02	1	10			64	XAYLAP	Vietnamese
3	BUI VĂN TUYẾN	CTK3	03-04	2	8	1	7	55	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN TIẾN HOANG	CTK3	05	1	12			75	XAYLAP	Vietnamese
5	CAO VĂN TỈNH	CTK3	01	1	10			62	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN MAI SƠN	CTK3	08	1	5			70	SBAY	Vietnamese
7	NGUYỄN HAI	TD3	07	1	7			76	KHOAN	Vietnamese
8	OLEINIK IVAN	TD3	08	1	5			75	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN HỮU THỌ	TD3	10	1	5			80	KHOAN	Vietnamese
10	CHU VĂN THĂNG	TD3	04	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM HUNG DUONG	TD3	02	1	5			100	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN MẠNH HÙNG	TD3	03	1	5			74	KHOAN	Vietnamese
13	HUYNH AI HỮU	TD3	05-06	2	18	8	140	75	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN ANH	TD3	13	1	5			82	KHOAN	Vietnamese
15	VŨ TIẾN DŨNG	TD3						70	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ MẠNH THĂNG	TD3						75	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM DUONG HAI	TD3	12	1	6			67	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ VĂN NGHĨA	TD3	11	1	5			67	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐÌNH MUỘI	TD3	14	1	5			75	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN TUÂN	TD3	09	1	5			70	PSV	Vietnamese
21	ĐOÀN VĂN BAY	TD3	01	1	5			65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	0	0	0	0	0	0	0 + 2	CHUYEN 2 PAX RP3-CTK3	
2	CTK3	6	396	6 + 1	150	1	7	1	1 NB GHE PHU	
3	TD3	15	1.121	14	81	8	140	21		
TOTAL		21	1.517	20	131	9	147	22		
WEIGHT KG			1.517		131		147			

GRAND TOAL: 1.795 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN